TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 02 – 2023
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh;

2. Ông Lê Văn Dài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chí Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Sóc Trăng. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Lâm Thị T trình bày:*

Chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 chung sống với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương, đăng ký kết hôn ngày 19/02/2013, tại

Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi tổ chức đám cưới, anh chị có quen biết trước, tìm hiểu nhau từ năm 2007 đến khi anh chị kết hôn. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cũng có hạnh phúc, anh chị sống tại nhà cha mẹ ruột chị T ở tỉnh Sóc Trăng, thời gian này anh T1 đã tham gia tệ nạn xã hội (cờ bạc), chị T cũng có khuyên anh T1 bỏ cờ bạc, anh T1 nói với chị là bỏ rồi, nhưng vẫn lén lút chơi, chị khuyên không được, nhưng vẫn chung sống với anh T1. Đến năm 2020, vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, do anh T1 nợ tiền cờ bạc, chủ nợ đến nhà đòi, chị phải đứng ra vay tiền ngân hàng để trả nợ cờ bạc cho anh T1. Từ đó, vợ chồng thường xảy ra cự cãi, chị khuyên anh T1 bỏ cờ bạc nhiều lần nhưng không được, làm vợ chồng mâu thuẫn kéo dài. Từ năm 2020, anh chị sống ly thân. Từ lúc ly thân đến nay, chị và anh T1 không có hàn gắn đoàn tụ, chị T sống tại nhà cha mẹ ruột của chị tại tỉnh Sóc Trăng, anh T1 về sống tại nhà cha mẹ anh T1 ở ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh T1, không muốn hàn gắn để đoàn tụ.

Chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 có 02 con chung tên Phạm Hoàng H, sinh ngày 18/02/2008 và cháu Phạm Hoàng H1, sinh ngày 21/5/2014. Hiện nay cháu H đang sống với chị T, cháu H1 đang sống với anh T1.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Lâm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lâm Thị T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T1.

- Về con chung:

Chị Lâm Thị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hoàng H đến khi cháu thành niên. Chị Lâm Thị T không yêu cầu anh Phạm Văn T1 cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hoàng H.

Chị Lâm Thị T thống nhất giao cháu Phạm Hoàng H1 cho anh Phạm Văn T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Chị Lâm Thị T không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Hoàng H1.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn T1 không có ý kiến trình bày.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị T: Cho chị Lâm Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T1; Giao cháu Phạm Hoàng H cho chị Lâm Thị T được quyền trực tiếp nuôi con, giao cháu Phạm Hoàng H1 cho anh Phạm Văn T1 được quyền trực tiếp nuôi con; Chị Lâm

Thị T và anh Phạm Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi cho nhau, do anh chị không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện ngày 27/5/2022 của Chị T.
- Trích lục kết hôn giữa chị T và anh T1.
- Giấy khai sinh của cháu Phạm Hoàng H và cháu Phạm Hoàng H1 (bản sao).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện.
- Bản tự khai của cháu Phạm Hoàng H.
- Biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2022 của chị T.
- Biên bản xác minh ngày 28/12/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn T1 cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lâm Thị T vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt; Bị đơn anh Phạm Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 19/02/2013, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo trình bày của chị T thì trong thời gian anh chị chung sống với nhau anh chị thường hay cự cãi do anh T1 tham gia tệ nạn xã hội, chị khuyên ngăn không được, mâu thuẫn kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; anh chị đã ly thân từ đầu

năm 2020 đến nay, trong thời gian này, anh chị không có hàn gắn tình cảm với nhau; Hiện nay, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu ly hôn của chị T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T1 nhiều lần để hòa giải, nhưng anh T1 không đến Tòa án để hòa giải và trình bày ý kiến của mình. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; nhưng từ những phân tích trên cho thấy, anh chị đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị T đối với anh Phạm Văn T1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 có 02 con chung tên Phạm Hoàng H, sinh ngày 18/02/2008 và cháu Phạm Hoàng H1, sinh ngày 21/5/2014. Xét thấy, cháu H đang sống với chị T và cháu cũng có nguyện vọng được sống với chị T; cháu H1 có nguyện vọng được sống với chị T, nhưng chị T thống nhất giao cháu H1 cho anh T1 được quyền trực tiếp nuôi con, mặt khác, cháu H1 đang sống với anh T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T về con chung. Vì vậy, để tránh việc thay đổi môi trường sống của các cháu, đảm bảo cho các cháu được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần, giao cháu H cho chị T được quyền trực tiếp nuôi con và giao cháu H1 cho anh T1 được quyền trực tiếp nuôi con đến khi các cháu thành niên là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh T1 không có ý kiến và yêu cầu về tài sản chung và nợ chung; Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; Nếu sau này anh chị có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lâm Thị T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị T.

- Về hôn nhân: Chị Lâm Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T1.

- Về con chung:

Giao cháu Phạm Hoàng H, sinh ngày 18/02/2008 cho chị Lâm Thị T được quyền trực tiếp nuôi con.

Giao cháu Phạm Hoàng H1, sinh ngày 21/5/2014 cho anh Phạm Văn T1 được quyền trực tiếp nuôi con.

Chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Phạm Hoàng H và cháu Phạm Hoàng H1, mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chị Lâm Thị T và anh Phạm Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, do anh chị không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Lâm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010412 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Lâm Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn T1 không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã B (ĐKKH số 25, ngày 19/02/2013);
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bạch Phiến